

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường
Tiểu học Thị trấn Cử Chi 2
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	177 HS (5 lớp)	107 HS (3 lớp)	93 HS (3 lớp)	105 HS (3 lớp)	123 HS (4 lớp)
		1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm). 2. Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Trẻ 6 tuổi có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại các khu phố: 2 (tổ 1, 2, 3, 4, 10, 11), khu phố 6, 7 - HS tạm trú khu phố 1,2,8 thuộc địa bàn trường TH Thị trấn Cử Chi.				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	-Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thực hiện cho lớp 1, 2, 3 năm học 2022 – 2023. Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 thực hiện cho lớp 4, 5. -Thực hiện 35 tuần/năm học Căn cứ Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về thời gian năm học 2022-2023; 1. Ngày tựu trường: 22/8/2022 2. Ngày khai giảng: 05/9/2022 -Ngày bắt đầu chương trình học kỳ I đến kết thúc chương trình học kỳ I : Tuần 1 đến tuần 18: Từ ngày 05/9/2022 đến 14/01/2023 (gồm 18 tuần) 1. Ngày kiểm tra giữa học kỳ I: Từ ngày 07/11/2022 đến 09/11/2022 2. Ngày kiểm tra cuối học kỳ I: Từ ngày 03/01/2023 đến 06/01/2023 3. Ngày sơ kết học kỳ I : 21/11/2021 Ngày bắt đầu chương trình học kỳ II đến kết thúc chương trình học kỳ II: Từ tuần 19 đến tuần 35: Từ ngày: 16/01/2023 đến 20/5/2023 (gồm 17 tuần) 1-Ngày kiểm tra giữa học kỳ 2: Từ ngày 20/3/2023 đến 22/3/2023 2-Ngày kiểm tra cuối năm: Từ ngày 08/5/2023 đến 16/5/2023. Tổng kết năm học: Từ ngày 22 - 26/5/2023.				

		Xét hoàn thành chương trình Tiểu học trước ngày 30/6/2023 Kết thúc năm học trước 30/6/2022. Hoàn thành tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2023 - 2024 trước 31/7/2023
III	- Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. - Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: -Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh. - Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web, số liên lạc, của đơn vị. - Hợp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm. - Thông tin về Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học 04/9/2020 (đối với lớp 1, 2, 3). - Thông tin về Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học đối với lớp 4, 5. - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm hoặc qua số liên lạc, zalo, điện thoại... 2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy. - Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ. - Hoàn thành các nội dung học tập và rèn luyện - Đạt năng lực và phẩm chất
IV	Điều kiện CSVC của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ HS (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	- Đủ phòng học, đủ chỗ ngồi, đủ ánh sáng, đủ thiết bị tối thiểu. - Đủ trang bị bảng thông tin truyền thông. - Có thư viện với phòng đọc rộng rãi, thoáng mát
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của HS ở cơ sở giáo dục	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ kết hợp theo từng chủ điểm HĐTN lớp 1, 2, 3, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng. - Tổ chức các Lễ phát động: tháng An toàn giao thông, theo chủ đề năm học... - Tổ chức hội giao lưu: Viết đúng viết đẹp, Đố vui dễ học, Trò chơi dân gian, vẽ tranh, làm thiệp, làm báo tường, trang trí bảng lớp, trang trí lớp học, hội xuân

		- Tham gia Hội thi “Giáo viên dạy giỏi” cấp huyện - Tổ chức Hội thi “Giáo viên chủ nhiệm giỏi” cấp trường - Tham gia Hội thi “Nhạc-Kịch tiếng Anh về Lịch Sử Việt Nam ” - Tham gia ngày hội “Em yêu Sử Việt” - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	1. Đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng. Trình độ trên chuẩn: 100%. 2. Cán bộ quản lý: đủ, đảm bảo trình độ quản lý giáo dục theo yêu cầu 3. Phương pháp quản lý: Ứng dụng công nghệ thông tin vào tất cả các công tác quản lý, hoạt động giáo dục của trường, phần mềm quản lý ePMIS. Giáo viên: người tổ chức các hoạt động, học sinh là trung tâm của các hoạt động.
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Thực hiện 5 nhiệm vụ học sinh đầy đủ 100% - 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất - Lễ phép, tích cực, năng động - Được giáo dục về kỹ năng sống cho học sinh - Có ý thức bảo vệ môi trường - Giữ vững hiệu suất đào tạo: 100 % - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%. - Không có học sinh bỏ học. - Đảm bảo vệ sinh ATTP cho học sinh - Giảm số lượng, tỉ lệ trẻ thừa cân béo phì - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường lớp. - 100 % học sinh được chăm sóc sức khỏe ban đầu. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế. - Phẩm chất đạt 100% - Năng lực đạt 99,17%
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc. - Đủ sức để học ở lớp trên hoặc cấp học trên. - Tăng cường công tác thẩm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa với lớp trên cũng như giữa tiểu học lên THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh. - Tăng cường phổ cập bơi lội cho học sinh

Củ Chi, ngày 20 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Xinh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục của trường
Tiểu học Thị trấn Cù Chi 2
Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	603	177	107	93	103	123
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	603	177	107	93	103	123
			100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
III	Số học sinh chia theo mức độ năng lực, phẩm chất						
1	Năng lực						
a	+ Tốt	549	139	100	90	73	57
	(tỷ lệ so với tổng số)	91,0	78,6	93,4	96,7	70,9	44,3
b	+ Đạt	135	30	7	3	29	66
	(tỷ lệ so với tổng số)	22,4	16,9	6,6	3,3	28,2	53,7
c	+ Cần cố gắng	9	8		0	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	1,5	4,5		0,0	1,0	0,0
2	Phẩm chất						
a	+ Tốt	572	170	106	93	80	123
	(tỷ lệ so với tổng số)	95,5	96,1	99,1	100,0	77,7	100,0
b	+ Đạt	31	7	1		23	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	5,1	4,0	0,9		22,3	0,0
c	+ Cần cố gắng	0	0	0		0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,0	0,0	0,0		0,0	0,0
IV	Số HS chia theo kết quả học tập						
	Các môn học và hoạt động GD						
1	Tốt	357	139	56	55	50	57
	(tỷ lệ so với tổng số)	59,2	78,6	52,3	59,1	48,5	46,3
2	Hoàn thành	230	30	47	35	52	66
	(tỷ lệ so với tổng số)	38,1	16,9	43,9	37,6	50,5	53,7
3	Chưa hoàn thành	16	8	4	3	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2,7	4,5	3,8	3,3	1,0	0,0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp	589	169	104	91	102	123

	(tỷ lệ so với tổng số)	97,7	95,5	97,2	97,8	99,0	100,0
a	HS được cấp trên khen thưởng	75	15	15	15	15	15
	(tỷ lệ so với tổng số)	12,4	8,5	14,0	5,4	14,6	12,2
b	HS được khen thưởng cấp trường	315	124	61	55	33	42
	(tỷ lệ so với tổng số)	52,2	70,1	57,0	59,1	32,0	34,1
c	Chưa hoàn thành CT lớp học	14	8	3	2	1	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	2,3	4,5	2,8	2,1	1,0	0,0
d	Hoàn thành chương trình lớp học	589	169	104	91	102	123
	(tỷ lệ so với tổng số)	97,7	95,5	97,2	97,8	99,0	100,0

Củ Chi, ngày 10 tháng 10 năm 2022



Nguyễn Văn Xinh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin sở vật của trường
Tiểu học Thị trấn Cử Chi 2
Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	20/18	
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ	/	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	4015	6,58 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1602	2,63 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	1535	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1071	1,76 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	40	
3	Diện tích thư viện (m ²)	114	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	250	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	60	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 1	5	5/5
2	Khối lớp 2	3	3/3
3	Khối lớp 3	3	3/3
4	Khối lớp 4	3	3/3
5	Khối lớp 5	5	4/4
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	1	
IX	Tổng số thiết bị		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	5/18
2	Cát xét	0	0/18
3	Dầu Video/dầu đĩa	0	0/18
4	Máy chiếu Overlead/projector/vật thể	1	1/18
5	Bộ âm thanh (amly, loa)	1	1/18
	Nội dung	Số lượng (m ²)	
		73	
X	Nhà bếp	130	
XI	Nhà ăn		

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ		Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/				
XIII	Khu nội trú	/				
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
		3		6		0,5 m ²
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	ĐẠT				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			Đạt		Đạt
			Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x			
XVII	Kết nối internet (ADSL)		x			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x			

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu).

Củ Chi, ngày 20 tháng 10 năm 2022



Nguyễn Văn Xinh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo,
cán bộ quản lý và nhân viên của trường
Tiểu học Thị trấn Cử Chi 2
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo					
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37	25	12	0	0	24	3	3	4
I	Giáo viên	27	22							
	Giáo viên dạy lớp	25	22							
1	Mĩ thuật	1	1							
2	Thể dục	1	1							
3	Âm nhạc	1	1							
4	Tiếng nước ngoài	4	2	2						
5	TPT Đội	1	1				1			
II	Cán bộ quản lý	2	2				2			
1	Hiệu trưởng	1	1				1			
2	Phó hiệu trưởng	1	1				1			
III	Nhân viên	8	2	6			2		2	4
1	Nhân viên văn thư	1	1						1	

2	Nhân viên kế toán	1		1			1			
3	Thủ quỹ + Y tế	1	1						1	
4	Nhân viên thư viện	1		1			1			
5	Bảo vệ	2		2						2
6	Phụ vụ	2		2						2

Củ Chi, ngày 20 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

 Nguyễn Văn Xinh